

Số: /TTr-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn Thành phố.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của UBND các quận, huyện, thị xã; kết quả đối chiếu sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn Thành phố, cụ thể:

1. Căn cứ pháp luật để trình HĐND Thành phố:

Căn cứ quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố để thực hiện dự án.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn

2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016- 2020) thành phố Hà Nội đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 25/5/2018, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội được phép chuyển 13.499,78ha đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp.

- Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 18 huyện, thị xã được UBND Thành phố phê duyệt.

(Chi tiết tại Bảng 01 kèm theo)

2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa:

2.1. Những kết quả đạt được:

- Năm 2021, HĐND Thành phố đã thông qua Nghị quyết⁽¹⁾ danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đối với 1.002 dự án, diện tích là 1.522,8ha;

- Năm 2022, HĐND Thành phố đã thông qua Nghị quyết⁽²⁾ danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đối với 910 dự án, diện tích 1.563,78ha;

- Năm 2023, HĐND Thành phố đã thông qua Nghị quyết⁽³⁾ danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đối với là 1.463 dự án, diện tích 2.463,95ha.

(Chi tiết tại Bảng 01, 02 kèm theo).

¹ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 và số 24/NQ-HĐND ngày 23/9/2021;

² Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022;

³ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022, số 09/NQ-HĐND ngày 10/3/2023, số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 và số 25/NQ-HĐND ngày 22/9/2023.

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

2.2.1. Tồn tại, hạn chế:

Khả năng tổng hợp dự báo nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch của các đơn vị hành chính, của các ngành, lĩnh vực tại địa phương chưa đảm bảo tính khả thi; khó khăn trong việc xác định rõ nhu cầu sử dụng đất, diện tích cụ thể các loại đất trên địa bàn huyện đã được Thành phố phân bổ; xác định khả năng đáp ứng về đất đai phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, công ích chưa đảm bảo tính khả thi; Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất của chính quyền các cấp và tổng hợp, cân đối của các Sở, ngành còn chủ quan, chưa bám sát, phù hợp với khả năng nguồn lực và tiến độ thực hiện, chưa đánh giá đúng mức độ khó khăn về công tác giải phóng mặt bằng.

2.2.2. Nguyên nhân:

a) Nguyên nhân chủ quan.

- Một số địa phương đưa các dự án vào danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa còn thiếu tính thực tiễn nên kết quả chưa cao;
- Một số địa phương chưa thực sự có chỉ đạo quyết liệt, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị (cấp ủy Đảng, Mặt trận tổ quốc, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ...);
- Nhiều địa phương chưa thực sự chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai thực hiện GPMB về cơ sở pháp lý, về vốn, về quỹ tái định cư...một số dự án còn chậm trễ, còn hạn chế.

b) Nguyên nhân khách quan.

- Sau khi Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ có hiệu lực thi hành (ngày 20/5/2023), việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa phải thực hiện bổ sung các nội dung về nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, đánh giá tác động môi trường; Dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện.
- Chính sách, pháp luật về đất đai thay đổi qua các thời kỳ; quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm đất và chuyển mục đích sử dụng đất khác nhau dẫn đến khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng.
- Về xác định giá bồi thường GPMB:
 - + Hiện nay, nhiều đơn vị tư vấn xác định giá đất không nhiệt tình tham gia xác định giá đất;
 - + Thị trường quyền sử dụng đất còn hạn chế, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phản ánh đúng giá giao dịch thực tế, thông tin đầu vào để áp dụng các phương pháp định giá đất thiếu chính xác, tin cậy, khó khăn trong việc xác định giá đất bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất;
 - + Nhiều loại đất, khu vực không có thông tin về giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

3. Nội dung trình xin ý kiến HĐND Thành phố:

3.1. Đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án.

a) Căn cứ đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất:

a.1. Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án:

- Căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; chỉ tiêu chuyển mục đích đất trồng lúa theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Hà Nội đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 25/5/2018 và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 18 huyện, thị xã đã được UBND Thành phố phê duyệt.

- Tờ trình đề nghị của UBND quận, huyện, thị xã.

a.2. Căn cứ pháp lý của việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa:

- Điểm b khoản 2 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây: "*Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng*".

- Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ quy định điều kiện, tiêu chí cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư như sau:

"1. Có dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.

2. Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, dự án đầu tư có trong danh mục kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác; có phương án sử dụng tầng đất mặt và văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về trồng trọt đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích khác.

4. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có)."

- Tờ trình, văn bản của UBND huyện Chương Mỹ, UBND quận Nam Từ Liêm; hồ sơ pháp lý của Dự án.

a.3. Sự phù hợp của việc sử dụng đất thực hiện dự án về vị trí, diện tích, loại đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt:

- Việc đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết của kỳ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 Thành phố (được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 25/5/2018), Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện được UBND Thành phố phê duyệt và nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện được UBND Thành phố phê duyệt.

(Chi tiết tại Bảng 02, 03 kèm theo).

- UBND Thành phố sẽ cập nhật quỹ đất thực hiện dự án trên vào Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

a.4. Sự phù hợp của việc sử dụng đất thực hiện dự án với quy hoạch các ngành, lĩnh vực khác:

Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.

b) Đề nghị chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư:

Trên cơ sở kết quả rà soát của Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện, căn cứ pháp lý hồ sơ, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 gồm: 02 dự án với diện tích 1,5788ha.

(Chi tiết tại Bảng 03 kèm theo).

c) Sau khi được HĐND Thành phố thông qua, UBND Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

3.2. Nội dung khác (nếu có): Không.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBNDTP Nguyễn Trọng Đông;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- VP UBNDTP: PCVP, P.TNMT;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Đông

BẢNG 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA THEO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THÀNH PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /2023 của UBND Thành phố)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (Ha)			Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn Thành phố	Huyện Chương Mỹ	Quận Nam Từ Liêm	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	13.499,78	1.250,22	87,31	Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030 đang tổ chức triển khai thực hiện, chưa được phê duyệt; chỉ tiêu xác định theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của thành phố Hà Nội
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	13.499,78	1.250,22	87,31	Theo Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 25/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của thành phố Hà Nội
2	Kết quả thực hiện	6.197,52	222,80	59,22	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	372,28	-	-	Văn bản số 780/TTg-KTN ngày 10/5/2016; số 1698/TTg-KTN ngày 28/9/2016; số 2113/TTg-KTN ngày 23/11/2016; số 203/TTg-KTN ngày 09/02/2017 của Thủ tướng chính phủ
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội cấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	5.825,24	222,80	59,22	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 02/12/2015; Văn bản số 333/HĐND-KTNS ngày 30/8/2016; Nghị Quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/12/2016; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/7/2017; Nghị Quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05/12/2017; Nghị Quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05/7/2018; Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018; Nghị Quyết số 10/NQ-HĐND ngày 08/7/2019; Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2019; Nghị Quyết số 08/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố
2.5	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1-2+3)	7302,26	1.027,42	28,09	
5	Diện tích đất trồng lúa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thời kỳ 2021-2030	Chưa được phê duyệt	2.504,05		Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 1425/QĐ-UBND ngày 27/4/2022; số 5149/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5135/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5162/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5154/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5150/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5186/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5168/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5165/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5163/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 257/QĐ-UBND ngày 19/01/2022; số 5152/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5151/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5167/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5148/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5164/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 và số 5182/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND Thành phố v/v phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện
6	Kết quả thực hiện (từ ngày 01/01/2021 đến tháng 11/2023)	6.095,99	208,05	20,39	
6.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
6.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
6.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	533,71	62,89	-	Văn bản số 162/TTg-NN ngày 05/02/2021; số 832/TTg-NN ngày 16/6/2021; số 357/TTg-NN ngày 19/4/2022; số 358/TTg-NN ngày 19/4/2022; số 637/TTg-NN ngày 22/7/2022; số 1175/TTg-NN ngày 19/12/2022; số 1230/TTg-NN ngày 27/12/2022; số 10/TTg-NN ngày 28/01/2023; số 92/TTg-NN ngày 01/3/2023; số 174/TTg-NN ngày 23/3/2023; số 232/TTg-NN ngày 07/4/2023; số 310/TTg-NN ngày 26/4/2023; số 366/TTg-NN ngày 05/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ
6.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất (từ ngày 01/01/2021 đến tháng 11/2023)	5.562,28	145,16	20,39	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 6/7/2022 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND Thành phố
6.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
7	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất của Thành phố (7=4-6); Huyện, thị xã (7 = 5-6); Quận (7= 4-6)	1.206,27	2.296,00	7,70	

BẢNG 02: TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA THEO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2023 của UBND Thành phố)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)			Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện Chương Mỹ	Trong đó	Toàn quận Nam Từ Liêm (Sử dụng chỉ tiêu còn lại của kỳ 2016- 2020)	
			Thị trấn Chúc Sơn		
1	Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được phê duyệt	2.504,05	5,21	28,09	Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 1425/QĐ-UBND ngày 27/4/2022; số 5149/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5135/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5162/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5154/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5150/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5186/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5168/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5165/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5163/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 257/QĐ-UBND ngày 19/01/2022; số 5152/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5151/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5167/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5148/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5164/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 và số 5182/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND Thành phố v/v phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện
2	Kết quả thực hiện (từ ngày 01/01/2021 đến tháng 11/2023)	208,05	4,20	20,39	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư			-	
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư			-	
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	62,89	-	-	Văn bản số 162/TTg-NN ngày 05/02/2021; số 832/TTg-NN ngày 16/6/2021; số 357/TTg-NN ngày 19/4/2022; số 358/TTg-NN ngày 19/4/2022; số 637/TTg-NN ngày 22/7/2022; số 1175/TTg-NN ngày 19/12/2022, số 1230/TTg-NN ngày 27/12/2022; số 10/TTg-NN ngày 28/01/2023; số 92/TTg-NN ngày 01/3/2023; số 174/TTg-NN ngày 23/3/2023; số 232/TTg-NN ngày 07/4/2023; số 310/TTg-NN ngày 26/4/2023; số 366/TTg-NN ngày 05/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	145,16	4,20	20,39	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 6/7/2022 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND Thành phố
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại			-	
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	2.296,00	1,01	7,70	

BẢNG 03: DANH MỤC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2024*(Kèm theo Tờ trình số**/TTr-UBND ngày**/**/2023 của UBND Thành phố)*

STT	Tên dự án	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó, Đất trồng lúa (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
1. Huyện Chương Mỹ					
1	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ Chúc Sơn	Thị trấn Chúc Sơn	0,3688	0,3688	- QĐ số 417/QĐ-UBND ngày 18/1/2023 của UBND TP Hà Nội về chấp thuận chủ trương đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (Tiến độ: 2022-2024) - QĐ số 719/QĐ-UBND ngày 02/2/2023 của UBND TP phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Chương Mỹ - Đã hoàn thành nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thông báo của Sở Tài chính tại Văn bản số 4053/STC-QLG ngày 12/7/2023; Phương án sử dụng tầng đất mặt - QĐ số 5532/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND TP phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
2. Quận Nam Từ Liêm					
1	Dự án đầu tư khu nhà ở và dịch vụ	Phương Canh	1,70	1,21	- Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND TP Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; - Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND Thành phố v/v phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Nam Từ Liêm; - VB số 6134/STC-QLG ngày 17/10/2023 của Sở Tài chính HN v/v thông báo số tiền bảo vệ PT đất trồng lúa khi chuyển mục đích (kèm theo giấy nộp tiền bv, pt đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước; Phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất trồng lúa nước; - Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch BVMT số 3445/GXN-UBND ngày 20/12/2021 của UBND quận Nam Từ Liêm (chuyển tiếp theo Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020);